

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng của các công trình: Đường giao thông, thoát nước, cây xanh và hệ thống chiếu sáng - viễn thông của các tuyến đường D1, D18, N23, N19 thuộc dự án thành phần Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5517/TTr-SXD ngày 09/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng của các công trình: Đường giao thông, thoát nước, cây xanh và hệ thống chiếu sáng - viễn thông của các tuyến đường D1, D18, N23, N19 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông, thoát nước, cây xanh và hệ thống chiếu sáng - viễn thông.

2. Thuộc dự án thành phần: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư, tái định cư tại xã Lộc An - Bình Sơn.

3. Loại, cấp công trình:

+ Công trình giao thông (đường giao thông): cấp II;

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật (thoát nước, cây xanh và hệ thống chiếu sáng - viễn thông): cấp II.

4. Địa điểm xây dựng: Tại xã Lộc An và xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

5. Chủ đầu tư: UBND tỉnh Đồng Nai.

6. Đơn vị lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán xây dựng công trình:

- Liên danh Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Đông Nam và Công ty TNHH tư vấn thiết kế B.R (phần đường giao thông);

- Liên danh Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây lắp Điện và Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư năng lượng Sài Gòn (phần hệ thống chiếu sáng - viễn thông);

- Công ty TNHH cổ phần tư vấn xây dựng Cửu Long (phần cây xanh; thoát nước thải);

- Công ty Cổ phần Tư vấn cấp thoát nước và môi trường (phần thoát nước mưa);

7. Đơn vị khảo sát xây dựng: Trung tâm tư vấn thẩm tra công trình giao thông thuộc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai và Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đông Nam và Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Nghiệp.

8. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng công trình:

Công trình	Bộ môn	Chủ trì	Số CCHN	Thời hạn
Giao thông	Chủ nhiệm thiết kế	Nguyễn Trọng Bình	BXD-00060468	28/05/2024
	Chủ trì thiết kế	Lê Minh Tuấn	BXD-00040539	15/09/2023
	Định giá	Đào Quang Bình	HCM-00019981	07/02/2023
Chiếu sáng - viễn thông	Chủ nhiệm thiết kế	Phạm Thanh Quang	DON-00067283	12/08/2024
	Chủ trì thiết kế điện	Lê Phước Toàn	DON-00065559	29/07/2024
	Chủ trì thiết kế chiếu sáng	Tô đình Hoàng	KS-061-00465	29/08/2021
	Định giá	Ngô Hùng Thuận	BXD-00002447	24/05/2022
Thoát nước mưa	Chủ nhiệm thiết kế	Nguyễn Đình Thanh	BXD-00015604	28/12/2022
	Chủ trì thiết kế	Nguyễn Minh Thắng Lê Huy Cường	BXD-00039742 BXD-00005953	14/09/2023 28/07/2022
	Định giá	Lê Thị Ngọc Thanh	BXD-00039743	14/09/2023
Thoát nước thải	Chủ nhiệm thiết kế	Quách Việt Dũng	BXD-00021853	11/4/2023
	Chủ trì thiết kế	Dương Đức Ngọc	BXD-00021852	11/4/2023
	Định giá	Dương Quang Đại	HCM-00014913	28/11/2022

Khảo sát địa chất (bổ sung)	Chủ nhiệm khảo sát	Nguyễn Thị Thanh	BXD-00014004	15/12/2022
	Chủ trì khảo sát	Đoàn Thị Minh Thư	BXD-00004376	13/9/2022
Khảo sát địa hình	Chủ nhiệm khảo sát	Phạm Cao Nguyên	BXD-00007168	09/8/2022
	Chủ trì khảo sát	Trần Ngọc Đông	BXD-00010683	25/10/2022

9. Đơn vị thẩm tra thiết kế, tổng dự toán xây dựng công trình: Liên danh Nhà thầu CPCI và Hoàng An.

10. Quy mô đầu tư, phương án thiết kế và giải pháp xây dựng:

10.1. Đường giao thông (tuyến D1, D18, N23 và N39):

- Cấp đường: đường liên khu vực và đường khu vực;
- Vận tốc thiết kế: 40 ÷ 60km/h;
- Tải trọng trục tính toán 100kN;
- Mặt đường: cấp cao A1, trải cán bê tông nhựa nóng;
- Modun đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} \geq 155 \text{ Mpa}$.

a) Thông số kỹ thuật tuyến:

Stt	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)						Mái dốc
				Đường	Mặt đường	Phân cách	Vĩa hè			
01	Đường D1	1-1	2599,51	45	12,5 x 2	0	10	0	10	2 mái
02	Đường D18	3-3	1688,01	48	12,0 x 2	4	10	4	10	1 mái
03	Đường N23	3-3	2523,56	48	12,0 x 2	4	10	4	10	1 mái
04	Đường N39	3-3	1648,34	48	12,0 x 2	4	10	4	10	1 mái
	Tổng cộng		8459,42							

b) Thiết kế trắc dọc, trắc ngang tuyến :

- Thiết kế trắc dọc tuyến bám sát theo cao độ san nền, tạo dốc dọc khoảng 0,11% - 0,70% nhằm tạo điều kiện thoát nước mặt tốt cho đường nội bộ.
- Dốc ngang mặt đường 1 mái, độ dốc $i=2,0\%$.

c) Kết cấu mặt đường:

- + Bê tông nhựa (BTNC 12.5) dày 5cm (SKN);
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn 0,5kg/m²;
- + Bê tông nhựa (BTNC 19) dày 7cm (SKN);
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0kg/m²;
- + Trải cán cấp phối đá dăm loại I (lớp trên) dày 17cm (SKN), $K \geq 0,98$;
- + Trải cán cấp phối đá dăm loại II (lớp dưới) dày 18cm (SKN), $K \geq 0,98$;

- + Nền thượng bằng đá mi bụi lu lèn kỹ, dày 30cm (SKN), $K \geq 0,98$;
- + Nền đào đắp đất cấp III theo cao độ thiết kế, $K \geq 0,95$;
- + Vét đất hữu cơ dày 20cm.

d) Phần vỉa hè:

Xây dựng vỉa hè nhằm tạo cảnh quan và đảm bảo vệ sinh cho các tuyến đường và nhu cầu đi lại của người dân;

- Kết cấu vỉa hè:

+ Lát gạch Terrazo (40 x 40 x 3)cm tạo màu, tạo dốc $i=1,0\%$ hướng ra lòng đường;

+ Lớp vữa xi măng mác 75, dày 1,5cm;

+ Bê tông đá 1x2 mác 150 dày 5cm;

+ Cấp phối đá dăm loại II dày 10cm (SKN), $K \geq 0,98$;

+ Nền đào đắp đất cấp III theo cao độ thiết kế, $K \geq 0,95$;

+ Vét đất hữu cơ dày 20cm.

- Kết cấu bó vỉa:

+ Xây dựng bó vỉa hai bên tuyến giao thông bằng bê tông đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ, chiều dài mỗi đoạn 6m cắt khe co giãn; Các loại bó vỉa, gờ chặn vỉa hè đặt trên móng bê tông lót đá 1x2 mác 150, gồm 03 loại:

* Loại 1 (vật góc): Kích thước rộng 60cm, chiều cao 29cm; trong đó chiều cao so với mặt đường là 14cm; Lớp bê tông lót đá 1x2 mác 150 dày 10cm;

* Loại 2 (hình chữ nhật bố trí dãy phân cách): Kích thước rộng 20cm, chiều cao 50cm; trong đó chiều cao so với mặt đường là 30cm; Lớp bê tông lót đá 1x2 mác 150 dày 10cm;

* Loại 3 (vật góc lồi đi cho người khuyết tật tiếp cận): Kích thước rộng 60cm, chiều cao 18,5cm; trong đó chiều cao so với mặt đường là 3,5cm; Lớp bê tông lót đá 1x2 mác 150 dày 10cm;

- Kết cấu gờ chặn:

+ Xây dựng gờ chặn đất tại phạm vi ranh dự án kết cấu bằng bê tông đá 1x2 mác 200 trên lớp bê tông lót đá 1x2 mác 150 dày 10cm, gồm 03 loại:

* Loại 1 (gờ chặn ranh đất): Kích thước rộng 15cm, sâu 25cm; Chiều cao so với vỉa hè hoàn thiện 10cm;

* Loại 2 (gờ chặn ranh dự án vị trí nền đắp): Kích thước rộng (30÷60)cm, chiều cao (30÷208)cm; Chiều cao so với vỉa hè hoàn thiện 10cm;

* Loại 3 (gờ chặn ranh dự án vị trí nền đào): Kích thước rộng (30÷60)cm, chiều cao (30÷208)cm; Chiều cao so với vỉa hè hoàn thiện 10cm;

+ Bố trí ramp dốc tại các giao lộ, trên vỉa hè bố trí loại gạch Terazzo chuyên dụng dành cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo quy định;

+ Vát góc và bán kính bó vỉa tại các giao lộ: Góc vát tại các giao lộ $\geq 5\text{m} \times 5\text{m}$; Bán kính bó vỉa tại các giao lộ theo quy hoạch được duyệt;

- Các công trình an toàn giao thông: Lắp đặt biển báo hiệu đường bộ trên vỉa hè, kẻ vạch sơn phản quang tín hiệu giao thông trên lòng đường giao thông, dây phân cách theo quy định;

10.2. Thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước mưa:

- Xây dựng các tuyến thoát nước mưa dọc theo hai bên đường phù hợp mạng lưới thoát nước mưa toàn khu. Độ dốc cống tận dụng tối đa độ dốc địa hình, một vài đoạn không thuận lấy độ dốc $i=1/D$. Bố trí hệ thống cống BTCT (cống tròn và cống hộp) kết hợp hố ga (hố thu nước đối với các vị trí trên vỉa hè; hố thăm đối với các vị trí dưới lòng đường) để thu nước mưa dọc theo các tuyến đường.

- Cống tròn BTCT (loại đúc sẵn bằng phương pháp quay ly tâm) đường kính từ D400 đến D2000, cống dưới vỉa hè được thiết kế chịu tải trọng H10, cống băng đường thiết kế chịu tải trọng H30. Các đốt cống đúc sẵn dài 4m, mỗi đốt bố trí 02 gờ cống BTCT, mỗi nối các đốt cống bằng khớp âm dương và ron cao su.

- Cống hộp BTCT đúc sẵn, các đốt cống dài 1,2m đặt trực tiếp trên lớp bê tông lót đá 10x20, M150 dày 10cm, mỗi nối các đốt cống bằng khớp âm dương và ron cao su.

- Hố ga BTCT đặt tại chỗ thiết kế dạng hình hộp, khoảng cách giữa các hố ga cách nhau tối đa là 40m, các vị trí hố ga nằm trên vỉa hè có bố trí cửa thu nước cạnh bó vỉa hè.

a.1 Tuyến đường D1:

- Cống tròn: Tổng chiều dài khoảng 4.891m, sử dụng các cống tròn BTCT (bê tông đá 10x20, M300) có đường kính D600, D800, D1000, D1200, D1500, D2000.

- Hố ga: Tổng số 135 cái (130 cái có cửa thu cạnh bó vỉa hè), kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 10x20, M350.

a.2. Tuyến đường D18:

- Cống tròn: Tổng chiều dài khoảng 2.298m, sử dụng các cống tròn BTCT (bê tông đá 10x20, M300) có đường kính D600, D800, D1000, D1200, D1500, D1800, D2000.

- Cống hộp: Tổng chiều dài khoảng 919m, sử dụng các loại cống BTCT (bê tông đá 10x20, M350) có kích thước 2000x2000, 2500x2500, 3000x3000.

- Hố ga: Tổng số 108 cái (73 cái có cửa thu cạnh bó vỉa hè), kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 10x20, M350.

a.3. Tuyến đường N23:

- Cống tròn: Tổng chiều dài khoảng 4.273m, sử dụng các cống tròn BTCT (bê tông đá 10x20, M300) có đường kính D400, D600, D800, D1000, D1200, D1800.

- Cống hộp: Tổng chiều dài khoảng 489m, sử dụng các loại cống BTCT (bê tông đá 10x20, M350) có kích thước 2500x2500, 3000x3000.

- Hố ga: Tổng số 174 cái (143 cái có cửa thu cạnh bó vỉa hè), kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 10x20, M350.

a.4. Tuyến đường N39:

- Công tròn: Tổng chiều dài khoảng 2.458m, sử dụng các công tròn BTCT (bê tông đá 10x20, M300) có đường kính D400, D600, D800, D1000, D1800, D2000.

- Công hộp: Tổng chiều dài khoảng 598m, sử dụng các loại công BTCT (bê tông đá 10x20, M350) có kích thước 2500x2500.

- Hố ga: Tổng số 103 cái (82 cái có cửa thu cạnh bó vỉa hè), kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 10x20, M350.

b) Hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng các tuyến thoát nước thải dọc theo hai bên đường (ống uPVC, công BTCT kết hợp hố ga, hộp đấu nối) phù hợp mạng lưới thoát nước thải toàn khu cho tự chảy về trạm xử lý nước thải. Độ dốc công tối thiểu 1/D.

- Công có đường kính nhỏ hơn D400 bằng ống nhựa uPVC chiều dài điển hình mỗi ống 6m, áp lực PN6, mỗi nối công bằng phương pháp dán keo (các vị trí ống nhựa bằng đường được bố trí giảm tải bằng các tấm đan BTCT đặt phía trên ống).

- Công có đường kính từ D400 trở lên bằng BTCT đúc sẵn sử dụng phương pháp quy ly tâm, chịu tải trọng H30 đối với vị trí bằng đường và tải trọng H10 đối với vị trí dưới vỉa hè. Chiều dài mỗi đốt công điển hình là 4m, mỗi đốt bố trí 02 gổ công BTCT, mỗi nối các đốt công bằng khớp âm dương và ron cao su.

- Hố ga thiết kế dạng hình trụ (kết hợp hố thu và hố thăm), khoảng cách giữa các hố ga cách nhau tối đa là 40m.

- Thu nước thải các hộ gia đình sử dụng các hộp đấu nối bằng nhựa đặt trước lô đất các hộ gia đình (vị trí giữa 2 lô đất).

b.1. Tuyến đường D18:

- Bố trí tuyến thoát nước thải chính dọc hai bên đường có đường kính D200 (Ø225), D300 (Ø315), D400. Tổng chiều dài của ống uPVC và công BTCT D400 khoảng 2.341m.

- Ống thu gom nước thải các hộ gia đình sử dụng ống uPVC đường kính D100 (Ø110), D150 (Ø160) kết hợp các hộp đấu nối.

- Hố ga: Tổng số 112 cái, kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 1x2(cm) M250.

b.2. Tuyến đường N23:

- Bố trí tuyến thoát nước thải chính dọc hai bên đường có đường kính D200 (Ø225), D300 (Ø315), D400, D500. Tổng chiều dài của ống uPVC và công BTCT khoảng 3.450m.

- Ống thu gom nước thải các hộ gia đình sử dụng ống uPVC đường kính D100 (Ø110), D150 (Ø160) kết hợp các hộp đấu nối.

- Hố ga: Tổng số 164 cái, kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 1x2(cm) M250.

b.3. Tuyến đường N39:

- Bố trí tuyến thoát nước thải chính dọc hai bên đường có đường kính D200 ($\varnothing 225$), D300 ($\varnothing 315$), D400. Tổng chiều dài của ống uPVC và cống BTCT khoảng 2.600m.

- Ống thu gom nước thải các hộ gia đình sử dụng ống uPVC đường kính D100 ($\varnothing 110$), D150 ($\varnothing 160$) kết hợp các hộp đấu nối.

- Hồ ga: Tổng số 111 cái, kết cấu BTCT đổ tại chỗ, bê tông đá 10x20, M250.

10.3. Cây xanh:

- Cây xanh bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông D1, D18, N23 và N39:

- Dọc các tuyến đường giao thông được trồng cây xanh tạo bóng mát, tán rộng, không cản trở tầm nhìn giao thông; đồng thời tham gia vào việc hình thành cảnh quan đường phố;

- Khoảng cách giữa các cây trồng dọc đường trên vỉa hè từ 10-15m. Cây được trồng giữa hai lô nhà; Dự kiến trồng các loại cây gồm: Bằng lăng tím, Lộc vừng, Sao đen,... Yêu cầu khi đưa cây vào trồng có chiều cao tối thiểu 3m, đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn tối thiểu 6cm. Tán cây cân đối, thân cây thẳng, không sâu bệnh; trong giai đoạn đầu neo cây trồng bằng cây Tràm hoặc Bạch đàn đường kính cây ≥ 6 cm, dài 2m;

- Tại khoảng trống của dãy phân cách đường giao thông trồng cỏ lá gừng.

+ Đường D1: Vỉa hè trồng cây Sao đen; số lượng: 314 cây;

+ Đường D18: Vỉa hè trồng cây Sao đen (163 cây); Dãy phân cách trồng cây Bằng lăng tím (71 cây) kết hợp trồng cỏ lá gừng (3652m^2);

+ Đường N23: Vỉa hè trồng cây Sao đen (219 cây), Lộc vừng (56 cây); Dãy phân cách trồng cây Bằng lăng tím (122 cây) kết hợp trồng cỏ lá gừng (7232m^2);

+ Đường N39: Vỉa hè trồng cây Sao đen (177 cây); Dãy phân cách trồng cây Bằng lăng tím (74 cây) kết hợp trồng cỏ lá gừng (4034m^2);

- Hồ trồng cây trên vỉa hè có kích thước 1m x 1m xung quanh bố trí bó vỉa bằng bê tông xi măng mác 250, kích thước: cao 15cm, rộng 10cm được đúc sẵn, mỗi thanh dài 50cm ÷ 80cm đặt trên nền bê tông đá 1x2 xi măng mác 150, kích thước rộng 20cm, cao 10cm.

10.4. Hệ thống chiếu sáng - vỉa hè thông:

Nhằm đảm bảo xây dựng đồng bộ hệ thống chiếu sáng - vỉa hè thông, các tuyến ống luồn cáp được đi ngầm trên vỉa hè, dãy phân cách đường giao thông và bố trí dọc các tuyến đường giao thông D1, D18, N23 và N39, cụ thể như:

a) Điện trung thế:

- Đường D1: Không bố trí hệ thống điện trung hạ thế;

- Đường D18, N23, N39: Xây dựng mương cáp và ống luồn cáp loại HDPE gân D195/150mm đi ngầm dọc theo vỉa hè và băng ngang đường trong phạm vi đường; Tại các ranh phạm vi chờ kết nối cho giai đoạn sau lắp đặt thêm 2m ống;

b) Điện hạ thế:

- Đường D1: Không bố trí hệ thống điện trung hạ thế;

- Đường D18, N23, N39:

+ Xây dựng mương cáp và ống luồn cáp loại HDPE gân D130/100mm đi ngầm dọc theo vỉa hè và băng ngang đường trong phạm vi đường; Tại các ranh phạm vi chờ kết nối cho giai đoạn sau lắp đặt thêm 2m ống;

+ Xây dựng móng tủ hạ thế bằng bê tông đá 1x2 xi măng mác 200; kích thước: dài 0,6m, rộng 0,45m, sâu 1,1m trên nền bê tông đá 4x6 xi măng mác 100 dày 10cm;

+ Lắp đặt ống luồn cáp điện kế từng hộ, mỗi hộ dùng 1 ống gân HDPE D50/40;

+ Lắp đặt tiếp địa tủ: sử dụng 5 cọc tiếp địa sắt mạ đồng D16mm dài 2400mm; đóng thành tia dọc theo mương cáp, liên kết với nhau bằng dây đồng trần 25mm², hệ thống tiếp địa đầu nối vào dây trung hòa và vào vỏ tủ.

+ Phần lắp tủ, kéo dây được thực hiện trong giai đoạn sau

c) Chiếu sáng:

- Đường D1:

+ Xây dựng mương cáp và ống luồn cáp chiếu sáng loại HDPE gân D65/50mm đi ngầm dọc theo 2 bên vỉa hè trong phạm vi đường; Tại các ranh phạm vi chờ kết nối cho giai đoạn sau lắp đặt thêm 2m ống;

+ Xây dựng móng trụ đèn chiếu sáng vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 xi măng mác 200; kích thước hố: dài 0,9m, rộng 0,9m, sâu 1,2m trên nền bê tông đá 4x6 xi măng mác 100 dày 10cm; Lắp đặt phụ kiện (phần khung móng) theo tiêu chuẩn nhà sản xuất trụ đèn chiếu sáng cao 10m;

+ Nối đất an toàn: Xây dựng tiếp địa trụ và tiếp địa liên hoàn bằng cáp đồng trần 11mm²; tại tủ điều khiển chiếu sáng và mỗi vị trí trụ đèn đều được nối đất an toàn, sử dụng cọc tiếp địa sắt mạ đồng D16mm dài 2400mm; Dây tiếp đất là cáp đồng trần 11mm² (M11) nối giữa thân trụ và cọc tiếp đất, tất cả các cọc tiếp địa hệ thống chiếu sáng thuộc cùng một trạm biến áp được liên kết với nhau và liên kết với tiếp địa của trạm;

+ Dọc tuyến chiếu sáng lắp đặt dây tiếp địa liên hoàn cáp đồng trần 11mm² (M11), dây tiếp địa được đầu nối vào thân trụ và kết nối với hệ thống tiếp địa tại trụ.

+ Phần trồng trụ, lắp bóng, kéo dây được thực hiện trong giai đoạn sau.

- Đường D18, N23, N39:

+ Xây dựng mương cáp và ống luồn cáp chiếu sáng loại HDPE gân D65/50mm đi ngầm dọc theo giải phân cách trồng cỏ thuộc phạm vi đường; Mương đi cách tim trụ 0,7m để tránh cây xanh. Tại các ranh phạm vi chờ kết nối cho giai đoạn sau lắp đặt thêm 2m ống;

+ Xây dựng móng trụ đèn chiếu sáng vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 xi măng mác 200; kích thước hố: dài 0,9m, rộng 0,9m, sâu 1,2m trên nền bê tông đá 4x6 xi măng mác 100 dày 10cm; Lắp đặt phụ kiện (phần khung móng) theo tiêu chuẩn nhà sản xuất trụ đèn chiếu sáng cao 10m;

+ Xây dựng tiếp địa trụ và tiếp địa liên hoàn bằng dây đồng trần M11;

+ Tại tủ điều khiển chiếu sáng và mỗi vị trí trụ đèn đều được nối đất an toàn, sử dụng cọc tiếp địa sắt mạ đồng D16mm dài 2400mm; Dây tiếp đất là cáp đồng trần 11mm² nối giữa thân trụ và cọc tiếp đất, tất cả các cọc tiếp địa hệ thống chiếu sáng thuộc cùng một trạm biến áp được liên kết với nhau và liên kết với tiếp địa của trạm;

+ Dọc tuyến chiếu sáng lắp đặt dây tiếp địa liên hoàn cáp đồng trần 11mm² (M11), dây tiếp địa được đầu nối vào thân trụ và kết nối với hệ thống tiếp địa tại trụ;

+ Phân trồng trụ, lắp bóng, kéo dây được thực hiện trong giai đoạn sau.

d) Viễn thông:

- Bố trí dọc các tuyến đường giao thông D1, D18, N23 và N39

+ Xây dựng rãnh cáp và ống luồn cáp chính loại PVC D110/5mm đi ngầm dọc theo vỉa hè trong phạm vi đường; Trong đó bố trí 02 ống cho loại 1 tầng ống; Tại các ranh phạm vi chờ kết nối cho giai đoạn sau lắp đặt thêm 2m ống;

- Xây dựng bể cáp viễn thông (loại 1 tầng ống) trên vỉa hè bằng bê tông đá 1x2 xi măng mác 200, kích thước: dài (1,44÷1,64)m, rộng (0,94÷1,14)m, sâu 1,08m có nắp đan BTCT dày 10cm; thành bể dày 20cm, đáy bể dày 10cm;

- Lắp đặt ống luồn cáp đến từng hộ dùng loại PVC D38, mỗi ống dùng cho 2 hộ liền kề;

+ Phân kéo dây được thực hiện trong giai đoạn sau.

11. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

- QCVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng VN - Quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07-1:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp nước;

- QCVN 07-2:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;

- QCVN 07-5:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình cấp điện;

- QCVN 07-7:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình chiếu sáng;

- QCVN 41:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu BT và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.

- TCVN 7957:2008 Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9116:2012 Công hợp bê tông cốt thép.

- TCVN 9113:2012 Ống công bê tông cốt thép thoát nước.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô 22TCN 4054-2005;

- Quy trình thiết kế áo đường mềm 22 TCN 211-2006;

- Một số quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành khác có liên quan thiết kế công trình.

12. Tổng dự toán xây dựng của các công trình (Đường giao thông, thoát nước, cây xanh và chiếu sáng - viễn thông) : **364.939.539.811 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 330.831.279.321 đồng
- Chi phí QLDA : 2.572.725.935 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD : 1.814.562.837 đồng
- Chi phí khác : 10.834.740.217 đồng
- Chi phí dự phòng : 18.886.231.501 đồng

(Đính kèm bảng tổng dự toán xây dựng công trình đã thẩm định)

13. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2021.

15. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Đối với các công việc sử dụng mã hiệu tạm tính, chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập định mức hoặc vận dụng định mức của công trình tương tự đã được duyệt để xác định đơn giá xây dựng công trình cho phù hợp; Trường hợp sử dụng định mức mới để lập đơn giá cho gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định trước khi áp dụng. Đối với các vật tư, thiết bị không có trong thông báo giá của liên Sở Xây dựng - Tài chính, chủ đầu tư phải xác định giá vật tư theo đúng quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng để xác định dự toán gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Dự toán xây dựng công trình, tổng dự toán xây dựng 04 công trình trên là cơ sở để xem xét, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo phù hợp tiến độ thực hiện dự án, không dùng để thanh toán quyết toán.

- Đối với các công việc đã thực hiện, chủ đầu tư có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại giá trị cho phù hợp với quy định tương ứng với thời điểm thực hiện.

- Sử dụng chi phí dự phòng đúng mục đích, tránh trường hợp để phát sinh công việc không cần thiết hoặc tăng thêm hạng mục công trình để sử dụng dự phòng phí gây thất thoát, lãng phí vốn đầu tư.

- Chủ đầu tư chỉ được phép triển khai xây dựng công trình sau khi đã hoàn thành các thủ tục về môi trường, thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật và các thủ tục khác có liên quan.

- Trước khi thực hiện kết nối về cấp điện, cấp thoát nước cần kiểm tra hiện trạng, báo cáo và tuân thủ theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành đảm bảo kết nối và đáp ứng được khả năng tiếp nhận với hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

- Trong quá trình triển khai thi công xây dựng, đề nghị chủ đầu tư phải thực hiện đúng theo nội dung hồ sơ thiết kế được duyệt, chấp hành các quy định của cơ

quan quản lý nhà nước về chất lượng công trình, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ theo quy định. Chủ đầu tư, các đơn vị thi công xây dựng, đơn vị giám sát thi công xây dựng và các đơn vị có liên quan phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong quá trình thi công các hạng mục đào, đắp đất, cát để tránh trường hợp cùng một vị trí phải đào, đắp nhiều lần gây phát sinh chi phí đầu tư xây dựng.

- Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, Báo cáo kết quả thẩm tra, Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng và an toàn, chất lượng xây dựng công trình theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các ngành liên quan, tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình đúng theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

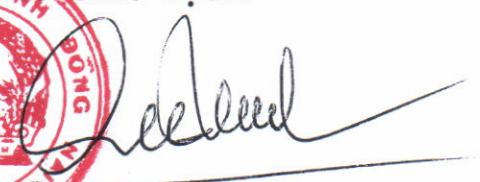
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;
- Lưu: VT, KTN (Sơn).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Quốc Hùng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

BẢNG TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÁC CÔNG TRÌNH: GIAO THÔNG; CÂY XANH; THOÁT NƯỚC; HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG - VIỄN THÔNG THUỘC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG D1, D18, N23 VÀ N39

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ (đồng)	GHI CHÚ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	330.831.279.321	
1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	223.019.144.330	
2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	2.863.959.710	
3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	91.844.993.357	
4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	13.103.181.924	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	0	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.572.725.935	
1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	1.734.338.788	
2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	22.271.973	
3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	714.220.067	
4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	101.895.107	
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.814.562.837	
1	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.709.074.390	Tạm tính
1.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	1.152.116.900	
1.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	14.795.216	
1.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	474.471.236	
1.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	67.691.038	
2	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	95.941.071	Tạm tính
2.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	64.675.552	
2.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	830.548	

2.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	26.635.048	
2.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	3.799.923	
3	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT bảo hiểm	2.823.877	<i>Tạm tính</i>
3.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	1.903.625	
3.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	24.446	
3.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	783.961	
3.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	111.845	
4	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT giám sát thi công xây dựng	6.723.499	<i>Tạm tính</i>
4.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	4.532.428	
4.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	58.204	
4.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	1.866.570	
4.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	266.297	
V	CHI PHÍ KHÁC	10.834.740.217	
1	Chi phí thẩm tra an toàn giao thông	72.481.222	<i>Tạm tính</i>
2	Chi phí bảo hiểm công trình	562.413.174	<i>Tạm tính</i>
2.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	379.132.545	
2.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	4.868.732	
2.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	156.136.488	
2.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	22.275.409	
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây dựng	100.000.000	<i>Mức tối đa</i>
4	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT bảo hiểm	2.000.000	<i>Mức tối thiểu</i>
5	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT giám sát thi công xây dựng	2.000.000	<i>Mức tối thiểu</i>
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	170.907.440	<i>Tạm tính</i>
6.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	115.211.690	

6.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	1.479.522	
6.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	47.447.124	
6.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	6.769.104	
7	Chi phí hạng mục chung	9.924.938.381	
7.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	6.690.574.330	
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	2.230.191.444	
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	4.460.382.886	
7.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	85.918.792	
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	28.639.597	
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	57.279.195	
7.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	2.755.349.801	
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	918.449.934	
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	1.836.899.867	
7.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	393.095.458	
	- Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	131.031.820	
	- Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	262.063.638	
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	18.886.231.501	
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	14.050.722.267	
1.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	9.470.478.703	
1.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	121.671.242	
1.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	3.901.902.479	
1.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - viễn thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	556.669.843	
2	Dự phòng trượt giá	4.835.509.234	
2.1	Công trình giao thông (phần các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	4.600.273.387	

2.2	Công trình cây xanh (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	59.101.656	
2.3	Công trình thoát nước (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	89.362.768	
2.4	Công trình hệ thống chiếu sáng - vỉa hè thông (thuộc các tuyến đường D1, D18, N23 và N39)	86.771.423	
	Tổng cộng	364.939.539.811	